TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1110/2018/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 12 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 991/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Ngọc H – sinh năm 1982; địa chỉ: đường B, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Trần Thị Bích T – sinh năm 1993; địa chỉ: đường B, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 35; quyển số 01/2015 đăng ký ngày 09/3/2015 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Bích T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Bích T .

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Lan P , sinh ngày 19/9/2015 và Nguyễn Thục Q , sinh ngày 22/11/2017.

Ông Nguyễn Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Lan P , ông Hoàng không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Bích T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thục Q , ông Hoàng cấp dưỡng nuôi trẻ Q 3.000.000đ mỗi tháng, từ tháng 11/2018 cho đến khi trẻ Q thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Bích T xác nhận không có.

[3] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Bích T phải chịu.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Bích T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Lan P , sinh ngày 19/9/2015 cho ông Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T do ông H chưa có yêu cầu.

Giao trẻ Nguyễn Thục Q , sinh ngày 22/11/2017 cho bà Trần Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Nguyễn Ngọc H cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Thục Q mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Bắt đầu thi hành từ tháng 11/2018 cho đến khi trẻ Q thành niên.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu

không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Bích T chịu được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Ngọc H và bà Trần Thị Bích T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0037147 ngày 09/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- CCTHADS quận Tân Bình;
- UBND Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch):Giấy CNKH số: 35; Quyển số: 01/2015 đăng ký ngày 09/3/2015;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Bích Thảo